TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21 tháng 4 năm 2023
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Dẫm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Dũng;

2. Bà Thái Trân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Bảo Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 424/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Ngọc A, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Khhosm B, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang;

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Tổ 9, khóm Long Quới B, phường Long Phú, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Chị A có mặt tại phiên tòa; Anh Q mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Ngọc A trình bày:

Hôn nhân giữa chị A và anh Q do mai mối, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P theo giấy chứng nhận kết hôn số 80/2011 ngày 04/7/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q ghen tuông vô cớ, bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng

không còn hạnh phúc nên đã không còn chung sống nhau từ tháng 3/2022 đến nay, gia đình hai bên có nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A yêu cầu ly hôn với anh Q.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 13/5/2011 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 30/9/2017. Hiện các con chung đang sống với chị A, khi ly hôn, chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu H và P, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án số 818/TB-TLVA ngày 03/11/2022 cho anh Nguyễn Văn Q thông qua người thân là bà Phạm Thị N (mẹ ruột anh Q) nhận thay và bà Nen xác nhận có thông tin cho anh Q biết về việc chị A khởi kiện ly hôn với anh Q tại Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Tòa án đã ra thông báo mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Q vắng mặt theo các lần triệu tập của Tòa án nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về tình cảm, con chung được. Ngày 02/12/2022, Tòa án ban hành Thông báo số 42/TB-TA về việc công khai tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập cho anh Q được biết thông qua việc tống đạt cho người thân nhận thay (bà Phạm Thị N là mẹ ruột anh Q).

Tại phiên tòa, anh Q vắng mặt, chị A vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu ly hôn với anh Q.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh Công an phường P, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; Biên bản xác minh (ghi lời khai) của bà Phạm Thị N (mẹ ruột của anh Nguyễn Văn Q); Biên bản ghi nhận ý kiến cháu Nguyễn Văn H; Biên bản lấy khai anh Nguyễn Văn Q. Cụ thể:

Ngày 08/11/2022, Toà án nhân dân thị xã Tân Châu đã tiến hành lập biên bản ghi nhận lời khai bà Phạm Thị N (mẹ ruột anh Q) được biết: Bà N là người nhận thay anh Q các văn bản tố tụng do Toà án tống đạt và đã thông báo cho anh Q biết các nội dung. Theo bà N nguyên nhân mâu thuẫn của anh Q và chị A do chị A có người đàn ông khác, nên chị A yêu cầu ly hôn với anh Q. Bà N có nói chuyện với anh Q thì anh Q đồng ý ly hôn với chị A, tuy nhiên hiện nay anh Q đang đi làm xa không có mặt ở địa phương và không thể sắp xếp công việc để về địa phương nên không thể trình bày ý kiến trực tiếp với Toà án được.

Giữa anh Q và chị A có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 13/5/2011 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 30/9/2017. Hiện cháu H và cháu P đang sống với chị A từ nhỏ đến nay. Bà N có nói chuyện với Q, Q đồng ý giao cháu H và cháu P cho Ánh tiếp tục nuôi dưỡng và không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ngày 24/11/2022, Toà án nhân dân thị xã Tân Châu đã tiến hành lập biên bản về việc không lấy được lời khai của anh Nguyễn Văn Q có sự chứng kiến của Ban khóm B do anh Q vắng mặt tại thời điểm Toà án tiến hành xác minh,

lấy lời khai và thường xuyên vắng mặt tại địa phương.

Ngày 24/11/2022, Toà án nhân dân thị xã Tân châu đã tiến hành xác minh tình trạng cư trú của anh Nguyễn Văn Q, được biết: Đương sự Nguyễn Văn Q, sinh năm 1991 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khóm B, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang. Hiện nay anh Q đang đi làm ăn xa nhưng thỉnh thoảng có về địa phương, chưa cắt chuyển hộ khẩu đi nơi khác.

Ngày 24/11/2022, Toà án nhân dân thị xã Tân Châu tiến hành ghi nhận lời khai của bị đơn anh Nguyễn Văn Q qua điện thoại dưới sự chứng kiến của bà Phạm Thị N (mẹ ruột anh Q) và Ban khóm B, phường P, anh Q trình bày: Về quá trình hôn nhân và mâu thuẫn gia đình như chị Đặng Ngọc A trình bày, nay chị A yêu cầu ly hôn với anh Q, anh Q đồng ý ly hôn với chị A. Về con chung, có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 13/5/2011 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 30/9/2017, hiện các con chung đang sống với chị A. Khi ly hôn anh Q đồng ý giao các con chung cho chị A nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có. Anh Q yêu cầu được vắng tại các buổi Hoà giải và các buổi tham gia phiên toà khi Toà án triệu tập do đi làm ăn xa.

Ngày 01/12/2022, Toà án nhân dân thị xã Tân Châu tiến hành ghi nhận ý kiến cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 13/5/2011, cháu H cho biết cháu H có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà Đặng Ngọc A khi cha mẹ cháu là bà Đặng Ngọc A và ông Nguyễn Văn Q ly hôn.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại các Điều 195, Điều 196 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Bị đơn vắng mặt, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, tài liệu chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa: Hôn nhân giữa chị A và anh Q do mai mối, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q ghen tuông vô cớ, bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên đã không còn chung sống nhau từ tháng 3/2022 đến nay, gia đình hai bên có nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A yêu cầu ly hôn với anh Q và anh Q đồng ý ly hôn với chị A.

Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân có 02 (hai) con chung tên

Nguyễn Văn H, sinh ngày 13/5/2011 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 30/9/2017. Hiện các con chung đang sống với chị A, khi ly hôn chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và P, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung. Chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến, nếu sau này giữa chị A và anh Q có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Ngọc A và anh Nguyễn Văn Q.

Về nuôi con chung: Chị Đặng Ngọc A được nuôi dưỡng các con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 13/5/2011 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 30/9/2017 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động. Anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung do nguyên đơn chị A không có yêu cầu.

Về án phí: Chị Đặng Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Đặng Ngọc A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Q. Anh Q có nơi cư trú: khóm B, phường P, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Văn Q được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị A và anh Q tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P theo giấy chứng nhận kết hôn số

80/2011 ngày 04/7/2011. Hôn nhân giữa chị A và anh Q là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị A khai, Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q ghen tuông vô cớ, bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên đã không còn chung sống nhau từ tháng 3/2022 đến nay, gia đình hai bên có nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A yêu cầu ly hôn với anh Q và anh Q đồng ý ly hôn với chị A.

[2] Về nuôi con chung: Chị A và anh Q có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 13/5/2011 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 30/9/2017.

Chị A được nuôi dưỡng các con chung tên Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn P.

Biên bản ghi nhận ý kiến cháu Nguyễn Văn H, sinh ngày 13/5/2011, cháu H cho biết cháu H có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là chị Đặng Ngọc A khi cha mẹ cháu là chị Đặng Ngọc A và anh Nguyễn Văn Q ly hôn.

Biên bản xác minh (ghi lời khai) bà Phạm Thị N – mẹ ruột của anh Nguyễn Văn Q trình bày: Giữa anh Q và chị A có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 13/5/2011 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 30/9/2017. Hiện cháu H và cháu P đang sống với chị A từ nhỏ đến nay. Bà N có nói chuyện với Q, Q đồng ý giao cháu H và cháu P cho A tiếp tục nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Biên bản ghi lời khai anh Nguyễn Văn Q qua điện thoại dưới sự chứng kiến của bà Phạm Thị N (mẹ ruột anh Q) và Ban khóm B, phường P, anh Q trình bày: Về con chung, có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 13/5/2011 và Nguyễn Văn P, sinh ngày 30/9/2017, hiện các con chung đang sống với chị A. Khi ly hôn anh Q đồng ý giao các con chung cho chị A nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Xét, chị A yêu cầu được nuôi dưỡng các con chung tên Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn P, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh Q đồng ý giao các cháu Nguyễn Văn H và Nguyễn Văn P cho chị A nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét chấp nhận.

Chị Đặng Ngọc A cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, nếu sau này giữa chị A và anh Q có phát sinh tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Đặng Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị A đã nộp đủ.

Anh Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5] Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về quan điểm giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Ngọc A và anh Nguyễn Văn Q.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 80/2011 ngày 04/7/2011 do Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang cấp cho chị Đặng Ngọc A và anh Nguyễn Văn Q không còn giá trị pháp lý.

Về nuôi con chung: Chị Đặng Ngọc A được nuôi dưỡng các con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 30/9/2017 và Nguyễn Văn H, sinh ngày 13/5/2011. Anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Đặng Ngọc A cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Nguyễn Văn Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Đặng Ngọc A phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai số 0006931 ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Chị Đặng Ngọc A đã nộp đủ.

Anh Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị A là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Q là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- CC.THADS TX. T (1);
- UBND phường P, thị xã T, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu Văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Dẫm